

**THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021 KHÓA 18T4**  
(Áp dụng từ ngày 15/03/2021 đến 29/05/2021)

| LỚP       |      | 18T4-QTD2-TCD1         |                        |           |                       |
|-----------|------|------------------------|------------------------|-----------|-----------------------|
| CVHT/GVCN |      | GVCN: Trịnh Hoàng Hiệp |                        |           |                       |
| TUẦN      |      | Tuần 24 đến tuần 34    |                        |           |                       |
| THỨ       | TIẾT | MÔN/ HỌC PHẦN          | GIÁO VIÊN DẠY          | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ               |
| HAI       | 2    | SHCN                   | Thầy Trịnh Hoàng Hiệp  | H1.3.12   |                       |
|           | 3    |                        |                        |           |                       |
|           | 4    | Quản trị tác nghiệp    | Thầy Trịnh Hoàng Hiệp  | H1.3.12   |                       |
|           | 5    |                        |                        |           |                       |
|           | 7    | Hóa 4                  | Phạm Thị Thanh Tuyền   | H1.3.13   | Ghép lớp QTD2 và TCD1 |
|           | 8    |                        |                        |           |                       |
|           | 9    |                        |                        |           |                       |
|           | 10   | Toán 6                 | Nguyễn Tiến Dương      |           | Ghép lớp QTD2 và TCD1 |
|           | 11   |                        |                        |           |                       |
|           | 12   |                        |                        |           |                       |
| BA        | 1    |                        |                        |           |                       |
|           | 2    | Quản trị tác nghiệp    | Thầy Trịnh Hoàng Hiệp  | H1.3.12   |                       |
|           | 3    |                        |                        |           |                       |
|           | 4    |                        |                        |           |                       |
| TU        | 1    | Toán 6                 | Nguyễn Tiến Dương      | H1.3.12   | Ghép lớp QTD2 và TCD1 |
|           | 2    |                        |                        |           |                       |
|           | 3    | Quản trị văn phòng     | Cô Trần Thị Ngọc Dung  | H1.3.12   |                       |
|           | 4    |                        |                        |           |                       |
|           | 5    |                        |                        |           |                       |
|           | 6    |                        |                        |           |                       |
| NĂM       | 1    |                        |                        |           |                       |
|           | 2    |                        |                        |           |                       |
|           | 3    | Chuyên đề              | Thầy Cao Xuân Giang    | H1.3.12   |                       |
|           | 4    |                        |                        |           |                       |
|           | 5    |                        |                        |           |                       |
|           | 6    |                        |                        |           |                       |
| SÁU       | 1    | Quản trị văn phòng     | Cô Trần Thị Ngọc Dung  | H1.3.12   |                       |
|           | 2    |                        |                        |           |                       |
|           | 3    |                        |                        |           |                       |
|           | 4    |                        |                        |           |                       |
|           | 7    | Hóa 4                  | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | H1.3.12   | Ghép lớp QTD2 và TCD1 |
|           | 8    |                        |                        |           |                       |
|           | 9    |                        |                        |           |                       |
|           | 10   | Toán 6                 | Nguyễn Tiến Dương      |           | Ghép lớp QTD2 và TCD1 |
|           | 11   |                        |                        |           |                       |
|           | 12   |                        |                        |           |                       |
| BẢY       | 1    |                        |                        |           |                       |
|           | 2    |                        |                        |           |                       |
|           | 3    |                        |                        |           |                       |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2021

**HIỆU TRƯỞNG**

| Học kỳ 6                 |         |                     | 23        |
|--------------------------|---------|---------------------|-----------|
| <i>Học phần bắt buộc</i> |         |                     | 23        |
| 32                       | KHCB415 | Hóa học 4           | 4(4,0,8)  |
| 33                       | KHCB420 | Toán 6              | 5(5,0,10) |
| 34                       | KT410   | Quản trị văn phòng  | 3(1,2,3)  |
| 35                       | KT411   | Quản trị tác nghiệp | 3(1,2,3)  |
| 36                       | KT490   | Chuyên đề           | 2(0,2,1)  |
| 37                       | KT492   | Thực tập tốt nghiệp | 6(0,6,0)  |
| <i>Học phần tự chọn</i>  |         |                     | 0         |

75t C Dung

75t T Hiệp

60T T Giang